| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 53/2023/DS-PT
Ngày 26/9/2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, tháo dỡ,di dời tài sản trên đất tranh chấp, bồi thường thiệt hại về tài sản và buộc chấm dứt hành vi tranh chấp

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phùng Đức Chính

*Các Thẩm phán*: Ông Cao Đức Chiến

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:*** Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLPT-DS, ngày 08 tháng 6 năm 2023, về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, tháo dỡ, di dời tài sản trên đất tranh chấp, bồi thường thiệt hại về tài sản và buộc chấm dứt hành vi tranh chấp.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DS-PT ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bích N, sinh năm: 1954. Địa chỉ: Thôn N, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thái H, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn T, Trưởng Chi nhánh Công ty Luật TNHH T Chi nhánh tại Bắc Giang. Địa chỉ: Tầng 2, số nhà 115, đường V, Tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (Văn bản ủy quyền ngày 12/11/2022); có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Hùng C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Cụm 5, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn T, Trưởng Chi nhánh Công ty Luật TNHH T Chi nhánh tại Bắc Giang. Địa chỉ: Tầng 2, số nhà 115, đường V, Tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2023); có mặt

2. Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1938. Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

5. Chị Hoàng Thị Lệ L, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Hoàng Văn Đ, Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lê Thị Thùy L. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; có mặt

2. Ông Lê Đình C. Địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắc Nông; có mặt

3. Bà Lê Thị H; có mặt

4. Bà Lê Thị N; có mặt

5. Ông Đỗ Văn S; có mặt

6. Ông Lê Văn P; có mặt

7. Anh Lê Văn L; có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn

8. Ông Lê Văn T. Địa chỉ: Đường C, phường H, thành L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Bích N, là nguyên đơn và chị Lê Thị Thái H, là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

***Nguyên đơn trình bày***: Bị đơn và nguyên đơn có quan hệ họ hàng thân thích, nguyên đơn là cô ruột của bị đơn. Giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 67, địa chỉ tại thôn A, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bố mẹ nguyên đơn cụ Lê Văn Lvà cụ Hoàng Thị C khai phá. Năm 1993, bố mẹ họp gia đình chia đất cho 09 người con trong đó có nguyên đơn bà Lê Thị Bích N, ông Lê Văn V chết năm 2007 (sau đó bị đơn mua lại phần đất được chia của ông V, là thửa đất số 289), khi họp gia đình có biên bản nhưng nay đã bị thất lạc.

Sau khi được chia các anh chị em đã đi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Năm 2019, nguyên đơn đi làm thủ tục kê khai và đến ngày 28/02/2020 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCNQSDĐ số CR 531894, đối với thửa đất số 288, tờ bản đồ số 67, diện tích 509m$^2$. Thời điểm đi làm thủ tục kê khai cấp GCNQSDĐ, bố mẹ nguyên đơn còn sống và lập hợp đồng tặng cho, lúc đó không có ai thắc mắc hoặc tranh chấp gì.

Tháng 07 năm 2021, sau khi cụ Lê Văn L chết, bị đơn đào móng làm nhà trên thửa đất 289 và có lấn sang thửa đất 288, khi đó nguyên đơn yêu cầu dừng nhưng bị đơn vẫn tiếp tục hoàn thiện xong móng nhà mới dừng. Quá trình đào móng, bị đơn đã chặt 01 cây xoài, 01 cây nhãn của nguyên đơn. Đến tháng 6 năm 2022, bị đơn tiếp tục xây nhà, nguyên đơn đã báo chính quyền thôn, xã nhưng bị đơn vẫn tiếp tục xây nhà và đến khoảng tháng 09/2022 thì xây nhà xong.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp khoảng 107,9m$^2$, thuộc một phần thửa đất 288, tờ bản đồ 67. Tuy nhiên, khi xem xét thẩm định tại chỗ, thì diện tích có thay đổi. Do đó, nguyên đơn thay đổi yêu cầu như sau: Yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 105,4m$^2$ thuộc một phần thửa đất 288, tờ bản đồ 67 (trên sơ họa là số thửa tạm 288.1); buộc bị đơn tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp; buộc bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất trên (105,4m$^2$). Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 3.000.000 đồng (do bị đơn chặt 01 cây xoài, 01 cây nhãn) nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Đối với diện tích đất, gồm: 40,4m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 289 (trên sơ họa là số thửa tạm 289.1); 2,2m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 85 (trên sơ họa là số thửa tạm 85.1), từ trước tới nay nguyên đơn không có tranh chấp nhưng khi chỉ dẫn tại thực địa buổi xem xét, thẩm định tại chỗ nguyên đơn chỉ nhầm sang. Những phần diện tích này nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Về chi phí tố tụng nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về án phí, nguyên đơn là người cao tuổi nên đề nghị được miễn án phí.

***Bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày***:

Nguyên đơn là cô ruột của bị đơn. Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà nội bị đơn cụ Lê Văn L và cụ Hoàng Thị C (đều đã chết) khai phá, đến năm 2008, vợ chồng cụ Lê Văn L tặng cho bị đơn đối với thửa đất số 289, tờ bản đồ 67, diện tích 283m$^2$. Bị đơn khẳng định diện tích đất tranh chấp thuộc một phần

của thửa đất số 289, tờ bản đồ 67, diện tích 283m$^2$ , ngày 09/12/2010, bị đơn đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ. Năm 2016, bị đơn phá bụi tre do cụ Lệnh trồng để xây tường rào xung quanh thửa đất số 289 theo ranh giới do chính cụ Lê Văn L xác định cho. Đến năm 2018, bị đơn làm thủ tục tách thửa đất số 289 thành hai thửa 346 và 347. Tháng 6/2021 bị đơn xây móng nhà, sau đó dừng một năm do nguyên đơn có tranh chấp, đến tháng 6/2022 tiếp tục xây nhà và cuối năm 2022 thì hoàn thành. Năm 2021 khi bị đơn xây nhà là phá tường rào xây năm 2016 và đào móng xây nhà theo đúng mốc tường rào cũ, không hề xây lấn sang thửa đất số 288 của nguyên đơn. Do đó, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn S trình bày: Đối với diện tích 2,2m$^2$ đất và một phần diện tích đất bà Lê Thị Thái H đã xây tường bao thuộc một phần thửa đất số 85, tờ bản đồ 67, thửa đất này ngày 03/10/2007, UBND huyện đã cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Hoàng Văn S. Đối với phần diện tích trên, trước đây anh trai của ông là ông Hoàng Văn M đã cho bà Lê Thị Thái H để đất bà Lê Thị Thái H không bị cong, đổi lại bà Lê Thị Thái H sẽ xây tường bao cho gia đình ông. Việc cho đất trên các thành viên trong hộ biết và đồng ý. Vì vậy, đối với toàn bộ phần diện tích thuộc thửa đất 85, tờ bản đồ 67 nằm phía bên ngoài tường bao gia đình ông không yêu cầu được quản lý, sử dụng và gia đình ông từ chối tham gia tố tụng vì xác định không có liên quan đến vụ án.

Ông Trần Hùng C (chồng bị đơn) nhất với trình bày của bị đơn.

Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, chị Hoàng Thị Lệ L nhất trí với trình bày của ông Hoàng Văn S.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DS-ST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

**1. Về quyền sử dụng đất:**

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Bà Lê Thị Bích N tiếp tục được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 74,4m$^2$ (gồm: 25,6m$^2$ có vị trí đỉnh thửa A2, A3, N4, N3 và4 8,8m$^2$ có vị trí đỉnh thửa N7, N8, N13, A4, A5, B15, N12), thuộc một phần thửa đất số 288, tờ bản đồ số 67, địa chỉ thôn A, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, tứ cận cụ thể như sau:

- Đối với diện tích 25,6m$^2$: Phía Đông giáp thửa đất số 288 (Có vị trí đỉnh thửa: A3, N4); Phía Tây giáp thửa đất số 289 (Có vị trí đỉnh thửa: A2, N3); Phía Nam giáp thửa đất số 288 (Có vị trí đỉnh thửa: N3, N4); Phía Bắc giáp thửa đất số 288 (Có vị trí đỉnh thửa: A2, A3).

- Đối với diện tích 48,8m$^2$: Phía Đông giáp thửa đất số 288 (Có vị trí đỉnh thửa: N8, N13, A4); Phía Tây giáp thửa đất số 289 và 85 (Có vị trí đỉnh thửa: N7, N12, B15, A5); Phía Nam giáp thửa đất số 288 (Có vị trí đỉnh thửa: A4, A5); Phía Bắc giáp thửa đất số 288 (Có vị trí đỉnh thửa: N7, N8).

Đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, biến động đất đai tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

1.2. Bà Lê Thị Thái H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 31m$^2$, thuộc một phần thửa đất số 288, tờ bản đồ số 67, địa chỉ thôn A, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, tứ cận cụ thể như sau:

Phía Đông giáp thửa đất số 288 (Có vị trí đỉnh thửa: N4, N8); Phía Tây giáp thửa đất số 289 (Có vị trí đỉnh thửa: N3, N7); Phía Nam giáp thửa đất số 288 (Có vị trí đỉnh thửa: N7, N8); Phía Bắc giáp thửa đất số 288 (Có vị trí đỉnh thửa: N3, N4).

Đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, biến động đất đai tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

1.3. Bà Lê Thị Thái H có nghĩa vụ thanh toán giá trị đất cho bà Lê Thị Bích N, với số tiền 55.800.000 đồng.

1.4. Buộc bị đơn bà Lê Thị Thái H phải tháo dỡ, di dời tài sản trên diện tích đất 74,4m$^2$ (tại phần 1.1.), cụ thể:

- Đối với diện tích 25,6m$^2$, tại phụ lục có vị trí đỉnh thửa A2, A3, N4, N3: Bà Lê Thị Thái H phải tháo dỡ,di dời tài sản, gồm: Sân lát gạch hoa diện tích 25,6m$^2$; mái bắn vỉ kèo bằng sắt hộp, lợp tôn diện tích 25,6m$^2$; 01tường xây cay bê tông (tại phụ lục có vị trí A3-N4) chiều dài 8,78m.

- Đối với diện tích 48,8m$^2$, tại phụ lục có vị trí đỉnh thửa N7, N8, N13, A4, A5, B15, N12: Bà Lê Thị Thái H phải tháo dỡ,di dời tài sản, gồm: 01 tường xây cay bê tông chiều dài 19,18m (tại phụ lục có vị trí N8-N13-A4); 01 tường xây cay bê tông chiều dài 2,47m (tại phụ lục có vị trí A4-A5); sân lát gạch hoa diện tích 23,3m$^2$ tại phụ lục có vị trí đỉnh thửa N7, N8, N13, N12; mái bắn vỉ kèo bằng sắt hộp, lợp tôn diện tích 23,3m$^2$ tại phụ lục có vị trí đỉnh thửa N7, N8, N13, N12.

1.5. Buộc nguyên đơn và bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất 105,4m$^2$ (tại phần 1.1. và 1.2.).

2. Đình chỉ xét xử, đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 3.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định:

Bà Lê Thị Bích N kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, buộc bà Lê Thị Thái H phải di dời toàn bộ tài sản trên diện tích đất 31m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 288, tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã Y, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn để trả lại hiện trạng đất cho bà quản lý, sử dụng; không chấp nhận việc bà Lê Thị Thái H thanh toán cho bà số tiền 55.800.000 đồng.

Bà Lê Thị Thái H kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị hủy Bản án sơ thẩm do chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ; đưa thiếu người tham gia tố tụng; không xem xét đến công tôn tạo, làm tăng giá trị đất của đương sự; đình chỉ không đúng quy định, tuyên đình chỉ xét xử nhưng không tuyên quyền khởi kiện lại, tuyên án phí chưa đúng.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bên đương sự là nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể:

Nguyên đơn đồng ý cho bị đơn Lê Thị Thái H được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 105,4m$^2$, thuộc một phần thửa đất số 288, tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn Lê Thị Thái H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Lê Thị Bích N số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thoả thuận mỗi bên chịu ½ tổng số tiền đã chi phí tố tụng là 26.528.000 đồng. Cụ thể, nguyên đơn và bị đơn, mỗi người phải chịu chi phí 13.246.000 đồng; bị đơn Lê Thị Thái H sẽ phải hoàn trả chi phí tố tụng cho nguyên đơn Lê Thị Bích N số tiền là 5.046.000 đồng.

Về án phí: Các bên đương sự sẽ tự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; có đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bên đương sự là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án. Xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với quyết định kháng nghị phúc thẩm không đề cập xem xét, vì các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ hai và đã được triệu tập hợp lệ, có đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự tuy vắng mặt nhưng đã

có văn bản từ chối tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể: Nguyên đơn đồng ý cho bị đơn Lê Thị Thái H được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 105,4m$^2$, thuộc một phần thửa đất số 288, tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; bị đơn Lê Thị Thái H có nghĩa vụ phải thanh toán giá trị 105,4m$^2$ đất nêu trên cho nguyên đơn Lê Thị Bích N với số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị Bích N đã nộp 18.292.000; bị đơn Lê Thị Thái H đã nộp 8.200.000đ, tổng cộng chi phí tố tụng là 26.492.000đ. Nguyên đơn và bị đơn thoả thuận mỗi bên chịu ½ tổng số tiền đã chi phí tố tụng. Cụ thể, nguyên đơn và bị đơn, mỗi người phải chịu chi phí 13.246.000 đồng; bị đơn Lê Thị Thái H sẽ phải hoàn trả chi phí tố tụng cho nguyên đơn Lê Thị Bích N số tiền là 5.046.000 đồng.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Bởi vậy, cần căn cứ vào Điều 5, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Đối với quyết định kháng nghị phúc thẩm Hội đồng xét xử không đề cập xem xét do các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau tại phiên tòa.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm. Cụ thể, bị đơn Lê Thị Thái H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 120.000.000đ x 5% = 6.000.000đ (sáu triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm thì đương sự kháng cáo phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn Lê Thị Bích N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định. Bị đơn Lê Thị Thái H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, xác nhận bị đơn đã nộp tiền án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004545 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[9] Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 148 và Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 và khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Bà Lê Thị Thái H được quyền quản lý, sử dụng 105,4m$^2$ đất thuộc một phần thửa đất số 288, tờ bản đồ số 67 xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, được được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A2, A3, N4, N8, N13, A4, A5, B15, N12, N7, N3 thể hiện tại trích đo khu đất tranh chấp ngày 10/8/2023 do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô – Chi nhánh Lạng Sơn đo vẽ.

*(Chi tiết cụ thể có trích đo khu đất tranh chấp ngày 10/8/2023 do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn đo vẽ kèm theo Bản án).*

Đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, biến động đất đai tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Bà Lê Thị Thái H có nghĩa vụ thanh toán giá trị đất cho bà Lê Thị Bích N số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Bà Lê Thị Bích N phải chịu 13.246.000 đồng (mười ba triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Xác nhận bà Lê Thị Bích N đã nộp đủ.

3.2. Bà Lê Thị Thái H phải chịu 13.246.000 đồng (mười ba triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Xác nhận bà Hà đã nộp 8.200.000 đồng; bà Lê Thị Thái H phải hoàn trả cho bà Lê Thị Bích N số tiền 5.046.000 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Thái H phải chịu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp ngân sách Nhà nước.

5.2. Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị Thái H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, xác nhận bà Lê Thị Thái H đã nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng

án phí số AA/2021/0004545 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn; bà Lê Thị Bích N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện H, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
***(Đã ký)***

**Phùng Đức Chính**